

Số: 112 /NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày 22 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/QH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh về việc Ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 55/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 2933/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung đoạn đầu tiên và khoản 1 Điều 1 như sau:

"Tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025 sau khi điều chỉnh là 19.900,483 tỷ đồng, bao gồm:

1. Vốn ngân sách cấp tỉnh 15.388,923 tỷ đồng, bao gồm: Cân đối ngân sách cấp tỉnh 4.902,63 tỷ đồng; nguồn thu sử dụng đất cấp tỉnh 1.167,3 tỷ đồng; xổ số kiến thiết 9.109,56 tỷ đồng; nguồn tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 10,998 tỷ đồng; nguồn bồi chi ngân sách địa phương 155,497 tỷ đồng; nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2022 là 35,641 tỷ đồng; nguồn kinh phí ngân sách cấp tỉnh còn dư 7,297 tỷ đồng".

(Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này)

2. Điều chỉnh, bổ sung Điều 2 như sau:

"1. Số vốn đầu tư trung hạn nguồn ngân sách cấp tỉnh 15.388,923 tỷ đồng được phân bổ cho các ngành, lĩnh vực và các huyện, thị xã, thành phố như sau:

a) Phân bổ vốn cho các dự án cấp tỉnh quản lý 9.921,208 tỷ đồng, trong đó:

- Phân bổ chi tiết nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh 8.773,467 tỷ đồng (chuẩn bị đầu tư 100 tỷ đồng; thanh toán khối lượng đã và đang thực hiện 349,4 tỷ đồng; Thực hiện dự án 8.324,067 tỷ đồng).

- Dự phòng 1.147,741 tỷ đồng (tương đương 7,4% kế hoạch nguồn ngân sách cấp tỉnh).

b) Phân bổ mức vốn hỗ trợ mục tiêu cho từng huyện, thị xã, thành phố 5.467,715 tỷ đồng.

2. Điều chỉnh, bổ sung chi tiết nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, bao gồm danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh đã hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư”.

(Đính kèm Phụ lục II, phụ lục III và các biểu chi tiết từng ngành, lĩnh vực kèm theo Nghị quyết này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X, Kỳ họp thứ 9 thông qua và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 9 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP. ĐĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Tâm



Phụ lục I

TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 - NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

DVT: Triệu đồng

STT	NGUỒN VỐN	KẾ HOẠCH TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH	ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)	KẾ HOẠCH SAU KHI ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ	GHI CHÚ
	TỔNG VỐN NSDP	19.893.186	7.297	19.900.483		
I	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	15.381.626	7.297	15.388.923		
I.1	Cơ cấu nguồn ngân sách tỉnh	15.381.626	7.297	15.388.923		
1	Cân đối ngân sách địa phương	4.902.630		4.902.630		
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất, thuê đất	1.167.300		1.167.300		
3	Xổ số kiến thiết	9.109.560		9.109.560		
3.1	Xổ số kiến thiết (theo dự toán)	8.900.000		8.900.000		
3.2	Nguồn tăng thu XSKT năm 2020	209.560		209.560		
4	Nguồn tiết kiệm chi NS cấp tỉnh năm 2020 sang năm 2021	10.998		10.998		
5	Nguồn bồi chi NSDP	155.497		155.497		Biểu BCNSDP
6	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2022	35.641		35.641		
7	Nguồn kinh phí ngân sách cấp tỉnh còn dư		7.297	7.297	Văn bản số 333/HĐND-KTNS ngày 15/02/2023 của HĐND tỉnh	

STT	NGUỒN VỐN	KẾ HOẠCH TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH	ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)	KẾ HOẠCH SAU KHI ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ	GHI CHÚ
I.2	<i>Phân bổ nguồn ngân sách cấp tỉnh</i>	15.381.626	7.297	15.388.923		
-	Tình quản lý	10.248.626	-327.418	9.921.208		Phụ lục II và các biểu phân bổ chi tiết theo ngành, lĩnh vực;
-	Hỗ trợ mục tiêu cho huyện, thị xã, thành phố	5.133.000	334.715	5.467.715		Phụ lục III
II	NGÂN SÁCH HUYỆN	4.511.560		4.511.560		
1	Cân đối ngân sách địa phương	2.485.820		2.485.820		
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất, thuê đất	2.025.740		2.025.740		

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 - NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 112 /NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NGÀNH, LĨNH VỰC	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025				Ghi chú
		TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH	ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)/ GIẢM (-)	SAU KHI ĐIỀU CHỈNH	Tổng vốn	
		Tổng vốn		Tổng vốn		
	KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG - NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	15.381.626	7.297	15.388.923		
A	TỈNH QUẢN LÝ	10.248.626	- 327.418	9.921.208		
I	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	100.000		100.000		
II	THÀNH TOÀN KL ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN	349.400		349.400		
III	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ	8.177.300	146.767	8.324.067		
1	Quốc phòng	315.200	-	315.200		
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội	147.000	-	147.000		
3	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	177.100	23.400	200.500		
4	Khoa học, công nghệ	-	-	-		
5	Y tế, dân số và gia đình	108.200	-	108.200		
6	Văn hóa, thông tin	100.500	123.370	223.870		
7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn	20.000	-	20.000		
8	Thể dục, thể thao	-	-	-		
9	Bảo vệ môi trường	743.000	-	743.000		
10	Các hoạt động kinh tế	-	-	-		
10.a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	470.800	260.000	730.800		
10.c	Giao thông	4.426.000	-594.000	3.832.000		
10.d	Khu công nghiệp và khu kinh tế	62.000	-	62.000		



STT	NGÀNH, LĨNH VỰC	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025				Ghi chú
		TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH	ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)/ GIẢM (-)	SÀU KHI ĐIỀU CHỈNH	Tổng vốn	
		Tổng vốn		Tổng vốn		
10.e	Cấp nước, thoát nước	298.900	2.500	301.400		
10.h	Du lịch	-	-	-		
10.l	Công nghệ thông tin	215.000	-	215.000		
10.m	Quy hoạch	48.000	-	48.000		
10.n	Công trình công cộng tại các đô thị	40.000	350.000	390.000		
10.o	Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	884.400	-20.703	863.697		
11	Hoạt động của các CQ QLNN, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức CT và các tổ chức CT-XH	92.800	2.200	95.000		
12	Xã hội	28.400	-	28.400		
13	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật	-	-	-		
IV	DỰ PHÒNG	1.621.926	-474.185	1.147.741		
B	HUYỆN QUẢN LÝ	5.133.000	334.715	5.467.715		

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025
LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG

(Kèm theo Nghị quyết số 11.2/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
						Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	
								9	10					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	14	15	16		
	TỔNG VỐN													
A	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							823.856	519.767	615.200	315.200			
I	Phân bổ theo nhiệm vụ, chương trình							494.685	194.685	357.000	57.000			
I.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025							494.685	194.685	357.000	57.000			
1	Xây dựng cửa khẩu quốc tế Tân Nam	BQL DA ĐTXD tỉnh	Tân Biên	Xây dựng Trạm kiểm soát liên hợp, quảng trường, sân nghi lễ; Xây dựng Trạm kiểm soát Biên phòng; Xây dựng Quốc môn; Xây đường giao thông trực chính cửa khẩu,...	2023-2026	1108/QĐ-UBND ngày 23/5/2021; 93/NQ-HĐND 20/7/2023 (đc)		274.473	144.473	159.000	29.000	Cập nhật theo Nghị quyết điều chỉnh; NSTW 2021-2025 là 130 tỷ đồng		

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025
LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
(Kèm theo Nghị quyết số 11/2/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-)/ tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
						Số QĐ CTDI, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	
								Tổng mức đầu tư									
A	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							26.000	23.400	-	-	23.400	23.400	23.400	23.400		
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực							26.000	23.400	-	-	23.400	23.400	23.400	23.400		
II.2	Dự án Khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025							26.000	23.400	-	-	23.400	23.400	23.400	23.400		
21	Xây dựng Trường Chính trị đạt chuẩn mức I	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh	TX Hòa Thành	Cải tạo sửa chữa các hạng mục đã xuống cấp và xây mới bổ sung các hạng mục cần thiết	2023-2025	1898/QĐ-UBND 15/9/2023		26.000	23.400			23.400	23.400	23.400	Bổ sung dự án mới		

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025
LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH
(Kèm theo Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/QĐ đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
						Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh (không kể BCNSDP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	
								Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	14	15	16		
	TỔNG													
A	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							349.049	298.049	159.200	108.200			
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực							349.049	298.049	159.200	108.200			
II.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 05 năm 2021-2025							191.279	191.279	31.500	31.500			
1	Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh (giai đoạn 2)	BQLDA ĐTXD tỉnh	TP Tây Ninh	Cải tạo, mở rộng	2019-2023	66/NQ-HĐND 10/9/2018; 52/QĐ-UBND 08/01/2021 (đc); 95/NQ-HĐND 20/7/2023 (đc)	2657/QĐ-UBND 30/10/2018; 3919/QĐ-UBND 31/12/2021 (đc)	91.279	91.279	22.000	22.000	Cập nhật thời gian thực hiện theo Nghị quyết điều chỉnh		

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

LĨNH VỰC VĂN HÓA, THÔNG TIN

(Kèm theo Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-)/ tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh			Ghi chú
						Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	
								9	10	14								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	14	15	20	21	22	27			
A	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							150.095	140.767	-	-	123.370	123.370	123.370				
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực							150.095	140.767	-	-	123.370	123.370	123.370				
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025							150.095	140.767	-	-	123.370	123.370	123.370				
11	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao (giai đoạn 2)	BOLDA DTXD tỉnh	xã Thái Bình - huyện Châu Thành	Xây dựng hồ bơi, cải tạo khu ký túc xá, khu căn tin, sân vận động...; bổ sung thiết bị phục vụ tập luyện và sinh hoạt của vận động viên	2023-2026	89/NQ-HĐND 20/7/2023		57.047	57.047			47.000	47.000	47.000	Bổ sung dự án mới			
12	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh, Nhà thi đấu tỉnh, Nhà thi đấu bóng bàn (cũ) trực thuộc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh	Phường 3, TP. Tây Ninh	Cải tạo, sửa chữa	2023-2025	1634/QĐ-UBND 09/8/2023		14.978	14.978			13.500	13.500	13.500	Bổ sung dự án mới			
13	Tu bổ, tôn tạo một số hạng mục, công trình thuộc Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Căn cứ Trung ương Cục miền Nam	BOLDA DTXD tỉnh	huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh	Tu bổ, tôn tạo một bộ hạng mục, công trình	2023-2025	92/NQ-HĐND 20/7/2023		65.872	65.872			60.000	60.000	60.000	Bổ sung dự án mới			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-)/ tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
						Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	
14	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, thể thao tại các ấp có đồng dòng bảo dân tộc thiểu số gần với phát triển du lịch (Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các ấp có đồng dòng bảo dân tộc thiểu số sinh sống (nâng cấp, sửa chữa 12 nhà văn hóa, xây mới 6 nhà văn hóa)				2021-2030	1719/QĐ-TTg 14/10/2021			10.500	1.370			1.370	1.370	Dự án thuộc CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền Núi, trong đó: nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ: 9,13 tỷ đồng; NSDP: đối ứng tối thiểu 15%		
15	Nhà Văn hóa người Tà Mun - xã Suối Đà	Ban QLDA DTXD huyện Dương Minh Châu	xã Suối Đà	Cải tạo, sửa chữa	2023-2025	2119/QĐ-UBND 18/10/2022	110/QĐ-SKHĐT 07/7/2023		1.698	1.500			1.500	1.500	1.500	Bổ sung dự án mới	



ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025
LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Nghị quyết số 11/2/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú	
						Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành.	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Ngân sách tỉnh
A	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							355.565	93.690	327.154	65.000			
I	Phân bổ theo nhiệm vụ, chương trình							355.565	93.690	327.154	65.000			
L.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 05 năm 2021-2025							355.565	93.690	327.154	65.000			
2	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Tây Ninh	UBND thành phố Tây Ninh	thành phố Tây Ninh	5.000 m3/ngđ	2018-2023	1634/QĐ-TTg 26/10/2017; 108/NQ-HĐND 22/9/2023	835/QĐ-UBND 12/4/2017; 1100/QĐ-UBND 17/5/2018 (đc); 413/QĐ-UBND 08/02/2018 (đc); 2372/QĐ-UBND 25/9/2018 (đc); 2741/QĐ-UBND 12/11/2018 (đc); 3147/QĐ-UBND 22/11/2021 (đc)	355.565	93.690	327.154	65.000	điều chỉnh thời gian thực hiện theo QĐ phê duyệt DA; DA sử dụng vốn ODA		

Biểu 10.a

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN BỎ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN

(Kèm theo Nghị quyết số 11/2023/QH-HĐND ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh				Điều chỉnh giảm (-)/ tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh			Ghi chú
						Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh					
								Tổng số	Trong đó: NS tính											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	14	15	20	21	22	28					
A	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							813.940	242.132	41.900	41.900	260.000	300.000	300.000						
I	Phân bổ theo nhiệm vụ, chương trình							600.000	40.000	40.000	40.000	60.000	100.000	100.000						
I.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025							600.000	40.000	40.000	40.000	60.000	100.000	100.000						
2	Tưới tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông giai đoạn 2 (Kịch cổ hóa kênh chính, kênh cấp 1,2,3 và kênh tiêu)	BQL DA DTXD ngành NN&PTNT	Châu Thành, Bến cầu	17.000 ha	2023-2026	2303/QĐ-UBND ngày 20/9/2021		600.000	40.000	40.000	40.000	60.000	100.000	100.000	Vốn NSTW là 500 tỷ					
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực							213.940	202.132	1.900	1.900	200.000	200.000	200.000						
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025							213.940	202.132	1.900	1.900	200.000	200.000	200.000						
5	Lắp đặt trạm quan trắc khí tượng thủy văn tại Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát	huyện Tân Biên	Lắp đặt trạm quan trắc khí tượng thủy văn	2023-2024	1158/QĐ-UBND 24/5/2022; 1816/QĐ-UBND 05/9/2023 (đc)		2.132	2.132	1.900	1.900	-	-	-	Cập nhật thời gian thực hiện theo QĐ điều chỉnh DA được duyệt					

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-)/ tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
						Số QĐ CTDĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	
c	Lĩnh vực sắp xếp lại dân cư nông thôn, định canh, định cư, ổn định di dân tự do và tái định cư							211.808	200.000		-	-	200.000	200.000			
1	Khu tái định cư trên địa bàn thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	xã Hưng Thuận-thị xã Trảng Bàng	10,7 ha	2023-2025	110/NQ-HĐND 22/9/2023		211.808	200.000			200.000	200.000	200.000		Bổ sung dự án mới	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025
CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - LĨNH VỰC GIAO THÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số 11/2/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trước hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh	Điều chỉnh giảm (-)/ tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
						Số QĐ CTDĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh					
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	14						15
A	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							3.193.583	2.961.495	1.532.000	1.532.000		-594.000	938.000	938.000	
I	Phân bổ theo nhiệm vụ, chương trình							1.532.000	1.532.000	1.532.000	1.532.000		-1.532.000	-	-	
I.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025							1.532.000	1.532.000	1.532.000	1.532.000		-1.532.000	-	-	
1	Tiểu dự án Giải phóng mặt bằng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài đoạn qua địa phận tỉnh Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD ngành giao thông	TX Trảng Bàng, Gò Dầu, Bến Cầu	Bồi thường: 231,04 ha	2022-2027	17/NQ-HĐND 28/5/2021		1.532.000	1.532.000	1.532.000	1.532.000		-1.532.000	-	-	Ngân sách TW hỗ trợ 1.532 tỷ đồng
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực							1.661.583	1.429.495	-	-		938.000	938.000	938.000	
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025							1.661.583	1.429.495	-	-		938.000	938.000	938.000	
10	Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4)	Ban QLDA ĐTXD ngành giao thông	TP. Tây Ninh và huyện Dương Minh Châu	Chiều dài tuyến 7,14Km	2024-2027	109/NQ-HĐND 22/9/2023		1.170.778	1.053.700				700.000	700.000	700.000	Bổ sung dự án mới
11	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.784C (Bàu Nằng - Bàu Cóp)	Ban QLDA ĐTXD ngành giao thông	Huyện Dương Minh Châu	Chiều dài 3,1km	2024-2027	91/NQ-HĐND 20/7/2023		221.231	199.108				100.000	100.000	100.000	Bổ sung dự án mới

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trước khi điều chỉnh	Điều chỉnh giảm (-)/ tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
						Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	
12	Đường vào đồn Biên phòng Suối Lam	Bộ chỉ huy BDBP tỉnh	Tân Châu	Tổng chiều dài tuyến khoảng 3,280 mét; mặt đường sỏi đỏ rộng 5,0 mét, nền đường rộng 7,0 mét	2021-2024	3020/QĐ-UBND ngày 10/12/2020; 1098/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 (đc); 1378/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 (đc); 90/NQ-HĐND 20/7/2023	3020/QĐ-UBND ngày 19/12/2016; 677/QĐ-UBND ngày 24/3/2021	95.887	3.000				3.000	3.000	3.000	Dự án sử dụng nguồn ngân sách trung ương. Bổ sung vốn ngân sách địa phương để thanh toán phần phát sinh khối lượng (chi phí nâng cấp Đường DL.03 và chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư)
13	Nâng cấp đường kết nối với cửa khẩu quốc tế Tân Nam (đoạn từ Đồn biên phòng cửa khẩu quốc tế Tân Nam đến ngã ba giao ĐT.788 và ĐT.783)	Ban QLDA ĐTXD ngành giao thông	huyện Tân Biên	Chiều dài tuyến khoảng 11 km	2024-2025	94/NQ-HĐND 20/7/2023		173.687	173.687				135.000	135.000	135.000	Bổ sung dự án mới

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025
CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - LĨNH VỰC CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC
(Kèm theo Nghị quyết số 14.2/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú	
						Số QĐ CTD, ngày, tháng, năm ban hành		Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành		Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Ngân sách tỉnh
A	THỰC HIỆN DỰ ÁN							35.616	32.416	27.000	27.000	2.500	29.500	29.500				
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực							35.616	32.416	27.000	27.000	2.500	29.500	29.500				
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025							35.616	32.416	27.000	27.000	2.500	29.500	29.500				
a	THOÁT NƯỚC							31.916	31.916	27.000	27.000	2.000	29.000	29.000				
5	Hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Nguyễn Văn Linh (giai đoạn 2)	BOLDA DTXD Thị xã Hòa Thành	Nguyễn Văn Linh	BTN, mặt đường 15m, Cống D1000 hai bên	2022-2024	2271/QĐ-UBND ngày 19/9/2021		31.916	31.916	27.000	27.000	2.000	29.000	29.000	Bổ sung vốn để thanh toán phần phát sinh khối lượng			
b	CẤP NƯỚC							3.700	500	0	0	500	500	500				
16	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiết đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Đầu tư nâng cấp trạm cấp nước tập trung tại xã Hòa Hiệp)	BOL DA DTXD ngành NN&PTNT	Huyện Tân Biên	Đầu tư nâng cấp hệ thống cấp nước	2023-2024	120/2020/QH14 ngày 19/6/2020	118/QĐSKHDT 20/7/2023	3.700	500			500	500	500	NSTW: 3.040 tỷ đồng; NSDP: đối ứng 15%			

Biểu 10.n

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - LĨNH VỰC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TẠI ĐÔ THỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 11/2/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

DVT: Triệu đồng

CV 1: Triệu Giang

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
						Số QĐ CTDĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	
								9	10					11	12				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16				
A	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							391.742	350.000	-	-	350.000	350.000	350.000					
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực							391.742	350.000	-	-	350.000	350.000	350.000					
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025							391.742	350.000	-	-	350.000	350.000	350.000					
2	Chỉnh trang đường Cách mạng tháng Tám (đoạn từ cầu Quan đến đường Điện Biên Phủ)	BQL DA DTXD ngành Giao thông	TP. Tây Ninh	Chiều dài tuyến khoảng 4,6Km	2023-2026	111/NQ-HĐND 22/9/2023		391.742	350.000	-	-	350.000	350.000	350.000	Bổ sung dự án mới				

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025
CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - LĨNH VỰC CẤP VỐN ĐIỀU LỆ CHO CÁC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH, QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH; CẤP BÙ LẠI SỰ TÍN DỤNG ƯU ĐÃI, PHÍ QUẢN LÝ;
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN; HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA;
HỖ TRỢ HỢP TÁC XÃ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HỢP TÁC XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số 11/2/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh	Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú		
						Số QĐ CTDI, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh
								9	10									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	14	15	19	20	21	16			
A	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							287.009	58.118	58.000	58.000	-20.703	37.297	37.297				
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực							287.009	58.118	58.000	58.000	-20.703	37.297	37.297				
II.1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025							287.009	58.118	58.000	58.000	-20.703	37.297	37.297				
5	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025	Số NN&PTNT	toàn tỉnh		2021-2025	23/2019/QĐ-UBND		257.009	28.118	28.000	28.000	-28.000	-	-	Điều chỉnh giảm phần tỉnh quản lý để điều chỉnh bổ sung phần tỉnh hỗ trợ mục tiêu			
8	Chi trả nợ gốc và lãi vay		toàn tỉnh		2022-2025			30.000	30.000	30.000	30.000	7.297	37.297	37.297	Bổ sung nguồn kinh phí ngân sách cấp tỉnh còn dư là 7.297 tỷ đồng vào mục Chi trả nợ gốc và lãi vay để trả nợ gốc và lãi của kế hoạch năm 2023			



Biểu 11

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QLNN, TÒ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TÒ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI
(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh				Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
						Số QĐ CTBT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	
								9	10								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	14	15			14	15	16	
A	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							8.451	8.200	6.000	6.000	2.200	8.200	8.200			
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực							8.451	8.200	6.000	6.000	2.200	8.200	8.200			
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025							8.451	8.200	6.000	6.000	2.200	8.200	8.200			
7	Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành	Tòa án nhân dân tỉnh	thị xã Hòa Thành			128/QĐ-TANDTC-KHTC ngày 12/5/2020		3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	6.000	6.000			
8	Tòa án nhân dân huyện Tân Châu	Tòa án nhân dân tỉnh	huyện Tân Châu					3.000	3.000	3.000	3.000	-3.000	-	-			
	Cải tạo, sửa chữa các trụ sở cơ quan QLNN							2.451	2.200	-	-	2.200	2.200	2.200			
24	Sửa chữa trụ sở làm việc của Ban Nội chính Tỉnh ủy	Ban QLDA DTXD tỉnh	Tp. Tây Ninh	Cải tạo, sửa chữa	2023-2024	1613/QĐ-UBND ngày 04/8/2023		2.451	2.200			2.200	2.200	2.200		Bổ sung dự án mới	

DVT: Triệu đồng

(Kèm theo Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025

[illegible]



KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025

KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025															
STT	LĨNH VỰC	TỔNG NGUỒN TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH						ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)	TỔNG NGUỒN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH						GHI CHÚ
		TỔNG		DA chuyển tiếp	Dự án KC mới		TỔNG		DA chuyển tiếp	Dự án KC mới					
		KH Vốn	Số DA		KH Vốn	Số DA	KH Vốn			Số DA	KH Vốn	Số DA			
I	Thành phố Tây Ninh	474.250				474.250		7.855	482.105				482.105		
1	Xây dựng nông thôn mới	44.250				44.250			44.250				44.250		
1.1	Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới.	-				-			-				-		
1.2	Huyện NTM	-				-			-				-		
1.3	Hỗ trợ XD NTM nâng cao	30.000				30.000			30.000				30.000		
1.4	Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu	14.250				14.250			14.250				14.250		
2	Phát triển thành phố, thị xã	280.000				280.000			280.000				280.000		
3	Hỗ trợ khác	150.000				150.000			150.000				150.000		
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025							4.755	4.755				4.755		
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025							3.100	3.100				3.100		
II	Thị xã Hòa Thành	423.500		29.900		393.600		23.735	447.235	-	29.900	-	417.335		
1	Xây dựng nông thôn mới	73.500		-		73.500			73.500		-		73.500		
1.1	Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới.	-		-		-			-		-		-		
1.2	Huyện NTM	-		-		-			-		-		-		
1.3	Hỗ trợ XD NTM nâng cao	45.000		-		45.000			45.000		-		45.000		
1.4	Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu	28.500		-		28.500			28.500		-		28.500		
2	Phát triển thành phố, thị xã	200.000		25.900		174.100			200.000		25.900		174.100		
3	Hỗ trợ khác	150.000		4.000		146.000			150.000		4.000		146.000		
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025							6.345	6.345				6.345		
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025							17.390	17.390				17.390		

KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025

KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025															GHI CHÚ
STT	LĨNH VỰC	TỔNG NGUỒN TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH					ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)	TỔNG NGUỒN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH							
		TỔNG		Dự án KC mới		TỔNG		Dự án KC mới							
		KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	KH Vốn		Số DA	KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA			
III	Huyện Châu Thành	781.250		2.400		778.850	-	32.695	813.945	-	2.400	-	811.545		
1	Xây dựng nông thôn mới	544.250				544.250			544.250				544.250		
1.1	Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới	455.000				455.000			455.000				455.000		
1.2	Huyện NTM	15.000				15.000			15.000				15.000		
1.3	Hỗ trợ XD NTM nâng cao	60.000				60.000			60.000				60.000		
1.4	Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu	14.250				14.250			14.250				14.250		
2	Phát triển thành phố, thị xã	80.000				80.000			80.000				80.000		
3	Hỗ trợ khác	157.000		2.400		154.600			157.000	2.400		154.600			
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025							22.195	22.195				22.195		
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025							10.500	10.500				10.500		
IV	Huyện Dương Minh Châu	656.250	-	-	-	656.250	-	52.855	709.105	-	-	-	709.105		
1	Xây dựng nông thôn mới	429.250				429.250			429.250				429.250		
1.1	Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới.	325.000				325.000			325.000				325.000		
1.2	Huyện NTM	15.000				15.000			15.000				15.000		
1.3	Hỗ trợ XD NTM nâng cao	75.000				75.000			75.000				75.000		
1.4	Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu	14.250				14.250			14.250				14.250		
2	Phát triển thành phố, thị xã	70.000				70.000			70.000				70.000		
3	Hỗ trợ khác	157.000				157.000			157.000				157.000		
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025							15.855	15.855				15.855		

KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025

KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025																
STT	LĨNH VỰC	TỔNG NGUỒN TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH						ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)	TỔNG NGUỒN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH						GHI CHÚ	
		TỔNG		DA chuyển tiếp	Dự án KC mới		TỔNG		DA chuyển tiếp	Dự án KC mới						
		KH Vốn	Số DA		KH Vốn	Số DA	KH Vốn			Số DA						
											KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA		
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025						37.000	37.000						TMĐT: 66,66 tỷ đồng, NS tính hỗ trợ (70%): 46,66 tỷ đồng; giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ 37 tỷ đồng, phần còn lại 9,66 tỷ đồng sẽ chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030		
V	Thị xã Trảng Bàng	625.600	-	66.690	-	558.910	-	75.155	700.755	-	66.690	-	634.065			
1	Xây dựng nông thôn mới	225.600				225.600			225.600				225.600			
1.1	Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới.	130.000				130.000			130.000				130.000			
1.2	Huyện NTM	7.100				7.100			7.100				7.100			
1.3	Hỗ trợ XD NTM năng cao	60.000				60.000			60.000				60.000			
1.4	Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu	28.500				28.500			28.500				28.500			
2	Phát triển thành phố, thị xã	250.000		36.000		214.000			250.000		36.000		214.000			
3	Hỗ trợ khác	150.000		30.690		119.310			150.000		30.690		119.310			
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025							4.755	4.755				4.755			
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025							70.400	70.400				70.400	TMĐT: 131,748 tỷ đồng, NS tính hỗ trợ (70%): 92,223 tỷ đồng; giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ 70,4 tỷ đồng, phần còn lại 20,58 tỷ đồng sẽ chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030		
VI	Huyện Gò Dầu	529.250	-	-	-	529.250	-	50.095	579.345	-	-	-	579.345			
1	Xây dựng nông thôn mới	219.250				219.250			219.250				219.250			
1.1	Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới.	130.000				130.000			130.000				130.000			
1.2	Huyện NTM	15.000				15.000			15.000				15.000			

KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025

KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025																
STT	LĨNH VỰC	TỔNG NGUỒN TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH						ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)	TỔNG NGUỒN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH						GHI CHÚ	
		TỔNG		DA chuyển tiếp		Dự án KC mới			TỔNG		DA chuyển tiếp		Dự án KC mới			
		KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA		KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA		
1.3	Hỗ trợ XD NTM nâng cao	60.000				60.000			60.000					60.000		
1.4	Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu	14.250				14.250			14.250					14.250		
2	Phát triển thành phố, thị xã	160.000		-		160.000			160.000		-			160.000		
3	Hỗ trợ khác	150.000				150.000			150.000					150.000		
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025							12.685	12.685					12.685		
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025							37.410	37.410					37.410		TMĐT: 67,386 tỷ đồng, NS tính hỗ trợ (70%): 47,17 tỷ đồng; giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ 37,41 tỷ đồng, phần còn lại 9,76 tỷ đồng sẽ chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030
VII	Huyện Bến Cầu	470.500	-	-	-	470.500	-	19.025	489.525	-	-	-	489.525			
1	Xây dựng nông thôn mới	233.500				233.500			233.500				233.500			
1.1	Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới.	130.000				130.000			130.000				130.000			
1.2	Huyện NTM	15.000				15.000			15.000				15.000			
1.3	Hỗ trợ XD NTM nâng cao	60.000				60.000			60.000				60.000			
1.4	Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu	28.500				28.500			28.500				28.500			
2	Phát triển thành phố, thị xã	80.000				80.000			80.000				80.000			
3	Hỗ trợ khác	157.000				157.000			157.000				157.000			
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025							7.925	7.925				7.925			
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025							11.100	11.100				11.100			
VIII	Huyện Tân Biên	504.250	-	41.000	-	463.250	-	15.015	519.265	-	41.000	-	478.265			

KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025 DÂN																
STT	LĨNH VỰC	TỔNG NGUỒN TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH						ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)	TỔNG NGUỒN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH						GHI CHÚ	
		TỔNG		DA chuyển tiếp		Dự án KC mới			TỔNG		DA chuyển tiếp		Dự án KC mới			
		KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA		KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA		
1	Xây dựng nông thôn mới	284.250				284.250			284.250				284.250			
1.1	Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới.	195.000				195.000			195.000				195.000			
1.2	Huyện NTM	15.000				15.000			15.000				15.000			
1.3	Hỗ trợ XD NTM năng cao	60.000				60.000			60.000				60.000			
1.4	Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu	14.250				14.250			14.250				14.250			
2	Phát triển thành phố, thị xã	70.000				70.000			70.000				70.000			
3	Hỗ trợ khác	150.000		41.000		109.000			150.000		41.000		109.000			
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025							9.515	9.515				9.515			
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025							5.500	5.500				5.500			
IX	Huyện Tân Châu	664.250	-	50.500	-	613.750	-	30.285	694.535	-	50.500	-	644.035			
1	Xây dựng nông thôn mới	444.250				444.250			444.250				444.250			
1.1	Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới.	325.000				325.000			325.000				325.000			
1.2	Huyện NTM	15.000				15.000			15.000				15.000			
1.3	Hỗ trợ XD NTM năng cao	90.000				90.000			90.000				90.000			
1.4	Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu	14.250				14.250			14.250				14.250			
2	Phát triển thành phố, thị xã	70.000				70.000			70.000				70.000			
3	Hỗ trợ khác	150.000		50.500		99.500			150.000		50.500		99.500			
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025							12.685	12.685				12.685			
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025							17.600	17.600				17.600			